

Số/No. 218/2025/WSB
(Công bố thông tin Báo cáo tài chính
riêng quý 3 năm 2025)

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025
Can Tho, October 16, 2025

(Information disclosure of Separate
Financial Statements in Quarter 3/2025)

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: *Hanoi Stock Exchange (HNX)*

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 3/2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Western - Saigon Beer Joint Stock Company would like to disclose the financial statements in Quarter 3/2025 with Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Name of Organization: *Western – Saigon Beer Joint Stock Company*

– Mã chứng khoán: WSB

Stock code: *WSB*

– Địa chỉ: KCN Trà Nóc, P. Thới An Đông, Tp. Cần Thơ, Việt Nam

Address: *Tra Noc Industrial Zone, Thoi An Dong Ward, Can Tho City, Vietnam*

– Điện thoại/Tel: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222

– Email: *sabecomientay@mientay.sabeco.com.vn*

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

– **BCTC quý 3/2025/Financial Statements in Quarter 3/2025**

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated Financial Statements (Listed organizations has subsidiaries)

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

General Financial Statements (Listed organizations has an accounting unit directly under its own accounting system);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases in which the cause must be explained:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm):

The auditing organization expresses an opinion that is not a fully accepted opinion for financial statements (for audited financial statements in)

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm):

Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, converted from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in)

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

The profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

The profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa:

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/10/2025 tại đường dẫn: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.

This information was published on the company's website on October 16th, 2025 at the link: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng quý 3/2025/ *Separate Financial Statements in Quarter 3/2025*

Đại diện tổ chức/Representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
Legal representative/Disclosure Authorization



Lê Đăng Khoa



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY
WESTERN – SAIGON BEER
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No. 217/2025/WSB
Giải trình BCTC riêng quý 3/2025
*Explanation of the Separate Financial
Statements in Quarter 3/2025*

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025
Can Tho, October 16, 2025

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: *Hanoi Stock Exchange (HNX)***

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company
- Mã chứng khoán: WSB
Stock code: WSB
- Địa chỉ: KCN Trà Nóc, P. Thới An Đông, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
Address: Tra Noc Industrial Zone, Thoi An Dong Ward, Can Tho City, Vietnam
- Điện thoại/Tel: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
- Email: sabecomientay@mientay.sabeco.com.vn

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây giải trình Báo cáo tài chính riêng Quý 3 năm 2025 như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No.96/2020/TT-BTC guiding information disclosure on the stock market. Western - Saigon Beer Joint Stock Company explained the Separate Financial Statements in Quarter 3/2025 as follows:

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 3/2025 so với cùng kỳ: Lợi nhuận sau thuế quý 3/2025 cao hơn so với quý 3/2024 vì: doanh thu tài chính tăng do lợi nhuận chuyển về từ công ty con tăng và giá nguyên liệu đầu vào giảm làm giảm giá vốn hàng bán.

Explanation of the difference in net profit after tax in Q3/2025 compared to the same period last year: Net profit after tax in Q3/2025 increased compared to Q3/2024 mainly due to an increase in financial income resulting from higher profit remittances from subsidiaries, and a decrease in input material costs, which reduced the cost of goods sold.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- Lưu: Văn thư/Save at the Office.

Đại diện tổ chức/Representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
Legal representative/Disclosure Authorization



Lê Đăng Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY

Địa chỉ : KCN Trà Nóc, phường Thới An Đông, TP Cần Thơ.

Điện thoại : 0292 3843 333 Fax : 0292 3843 222

Email: wsb@vnn.vn – Website: www.wsb-sabeco.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2025	01/01/2025
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		433.532.540.798	395.945.996.317
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>3</i>	<i>121.027.241</i>	<i>50.972.574</i>
Tiền	111		121.027.241	50.972.574
Các khoản tương đương tiền	112			
<i>Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>4</i>	<i>340.010.000.000</i>	<i>329.160.000.000</i>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		340.010.000.000	329.160.000.000
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>73.027.671.828</i>	<i>39.033.089.724</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	8.902.770.788	14.332.171.471
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	3.986.458.889	360.554.467
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	60.138.442.151	24.340.363.786
<i>Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>19.675.681.276</i>	<i>27.230.383.578</i>
Hàng tồn kho	141	8	20.370.882.684	27.970.879.143
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(695.201.408)	(740.495.565)
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>698.160.453</i>	<i>471.550.441</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	583.858.011	471.550.441
Thuế phải thu Nhà nước	153		114.302.442	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025**

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2025	01/01/2025
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		346.255.871.315	346.625.685.879
<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>			
<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>	<i>9</i>	<i>83.099.824.543</i>	<i>107.701.121.649</i>
Tài sản cố định hữu hình	221		83.099.824.543	107.701.121.649
Nguyên giá	222		527.413.248.708	529.100.814.062
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(444.313.424.165)	(421.399.692.413)
<i>Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>	<i>10</i>	<i>1.992.548.909</i>	<i>2.112.904.208</i>
Nguyên giá	231		4.011.843.370	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.019.294.461)	(1.898.939.162)
<i>Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>11.218.362.535</i>	<i>39.592.778</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.218.362.535	39.592.778
<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>4</i>	<i>235.980.715.400</i>	<i>221.480.715.400</i>
Đầu tư vào công ty con	251		200.000.000.000	200.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		13.980.715.400	13.980.715.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		15.000.000.000	500.000.000
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>13.964.419.928</i>	<i>15.291.351.844</i>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	12.686.571.877	13.658.219.640
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.277.848.051	1.633.132.204
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		779.788.412.113	742.571.682.196



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

ĐVT: VND

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	30/9/2025	01/01/2025
<i>NỢ PHẢI TRẢ</i>	<i>300</i>		<i>58.812.714.673</i>	<i>45.594.790.694</i>
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>55.675.505.922</i>	<i>42.361.547.049</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.697.107.828	4.902.650.759
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.740.294	8.541.434
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	27.694.127.643	18.432.418.429
Phải trả người lao động	314		1.455.732.618	1.802.411.487
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	8.694.339.318	2.284.049.794
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	9.254.490.379	8.458.277.785
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.871.967.842	6.473.197.361
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>3.137.208.751</i>	<i>3.233.243.645</i>
Phải trả dài hạn khác	337		49.500.000	49.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.087.708.751	3.183.743.645

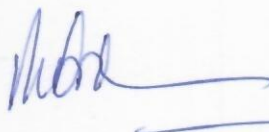


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2025	01/01/2025
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		720.975.697.440	696.976.891.502
Vốn chủ sở hữu	410	18	720.975.697.440	696.976.891.502
Vốn cổ phần	411		145.000.000.000	145.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		177.711.446.954	177.711.446.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		398.264.250.486	374.265.444.548
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		330.182.475.582	326.239.960.769
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		68.081.774.904	48.025.483.779
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		779.788.412.113	742.571.682.196



Dương Thị Thúy Hồng
Người lập
Ngày 19 tháng 10 năm 2025



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Le Đăng Khoa
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH RIÊNG

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

KHOẢN MỤC	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			2025	2024	2025	2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	19	47.140.676.524	46.760.130.777	137.716.155.274	148.213.720.568
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	47.140.676.524	46.760.130.777	137.716.155.274	148.213.720.568
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	40.437.254.313	42.445.828.845	123.662.802.729	137.292.119.537
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		6.703.422.211	4.314.301.932	14.053.352.545	10.921.601.031
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	21.092.564.977	15.101.315.719	70.020.557.037	59.938.471.663
Chi phí bán hàng	25	23	136.405.585	68.049.298	436.700.235	408.739.772
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	2.930.592.686	2.723.487.364	9.138.127.322	9.665.609.997
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.728.988.917	16.624.080.989	74.499.082.025	60.785.722.925
Thu nhập khác	31		16.076.552	12.069.702	237.005.800	53.336.524
Chi phí khác	32					203.424.220
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		16.076.552	12.069.702	237.005.800	(150.087.696)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		24.745.065.469	16.636.150.691	74.736.087.825	60.635.635.229
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.664.498.089	976.019.260	3.419.545.512	2.060.127.902
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52		28.522.802	117.823.591	355.284.153	523.983.449
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		23.052.044.578	15.542.307.840	70.961.258.160	58.051.523.878

Dương Thị Thúy Hồng
Người lập
Ngày 09 tháng 10 năm 2025

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

 (Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC
 ngày 24/12/2014 của BTC)

VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế năm kết thúc ngày 30/9	
			2025	2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế		74.736.087.825	60.635.635.229
	Điều chỉnh cho các khoản:			
2	Khấu hao và phân bổ		26.464.734.842	26.789.235.686
3	Các khoản dự phòng		(45.294.157)	(10.473.535)
5	Lãi từ hoạt động đầu tư		(70.203.583.726)	(59.938.471.663)
6	Chi phí lãi vay			
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		30.951.944.784	27.475.925.717
9	Biến động các khoản phải thu		(10.288.303.346)	(7.160.206.300)
10	Biến động hàng tồn kho		7.599.996.459	2.581.701.485
11	Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác		12.511.070.937	4.176.536.258
12	Biến động chi phí trả trước		859.340.193	1.850.231.444
14	Tiền lãi vay đã trả			
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.845.722.104)	(1.554.852.677)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.068.059.436	8.785.330.027
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		46.856.386.359	36.154.665.954
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(12.943.172.742)	(985.189.381)
22	Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản cố định và cho thuê bất động sản đầu tư		306.307.889	
23	Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn		(247.260.000.000)	(187.280.000.000)
24	Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn		221.910.000.000	150.797.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức		34.312.783.161	44.504.882.311
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.674.081.692)	7.036.692.930

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC
ngày 24/12/2014 của BTC

VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế năm kết thúc ngày 30/9	
			2025	2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay			
36	Tiền chi trả cổ tức		(43.112.250.000)	(43.112.930.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(43.112.250.000)	(43.112.930.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)		70.054.667	78.428.884
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		50.972.574	37.968.259
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		121.027.241	116.397.143



Dương Thị Thúy Hồng
Người lập
Ngày 09 tháng 10 năm 2025



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
Giám đốc



CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây (Công ty) là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sóc Trăng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp ngày 13/04/2005 cho Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 06/06/2006 về việc đổi tên Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ thành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây trên cơ sở hợp nhất giữa hai công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất lần thứ 12 số 1800586579 ngày 27 tháng 11 năm 2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Cần Thơ cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010

Trụ sở chính: KCN Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia, đồ uống không cồn, nước khoáng; Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Bán buôn đồ uống; Kinh doanh, xuất khẩu nông sản, nguyên liệu sản xuất bia cồn, nước giải khát; kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Kinh doanh phụ phẩm; Chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát.....

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

Cấu trúc doanh nghiệp : Công ty có 01 công ty con (100% QSH & QBQ) và 01 công ty liên kết (20% QSH & QBQ)

Công ty con : Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng. Địa chỉ Lô S, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng. Ngành nghề kinh doanh chính sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát ..

Công ty liên kết : Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu. Địa chỉ Lô B5, KCN Trà Kha, Phường 8, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Ngành nghề kinh doanh chính sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát ..

Hiện tại công ty vẫn so sánh được thông tin trên báo cáo tài chính với cùng kỳ năm trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng đơn vị mở tài khoản (hoặc *tỷ giá bình quân liên ngân hàng*) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014 /TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm chứng khoán kinh doanh; các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; Các khoản cho vay; đầu tư vào công ty con, công ty liên kết; công cụ vốn của đơn vị khác, dùng để phản ánh tình hình mua, bán và thanh toán vì mục đích kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ theo giá gốc. Chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo thời điểm khộp lệnh; chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định pháp luật. Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán được trích lập dự phòng. Trả cổ tức bằng cổ phiếu nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng trên thuyết minh. Mọi trường hợp hoán đổi cổ phiếu đều phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi. Khi thanh lý, nhượng bán, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu



CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập BCTC, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập BCTC, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch trả nợ

Nợ thuê tài chính là tổng nợ thuê tài sản được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước thực tế đã phát sinh trong năm tài chính hoặc có liên quan đến KQKD của nhiều kỳ kế toán và chuyển vào nhiều kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận kế toán nợ phải trả

Việc phân loại được thực hiện theo nguyên tắc tương tự các khoản phải thu.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả_

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với nhân chênh lệch

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả_

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu



CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty nhận được thông báo về quyền nhận cổ tức, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/9/2025	01/01/2025
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt		13.522.000
Tiền gửi ngân hàng	121.027.241	37.450.574
Các khoản tương đương tiền (*)		
TỔNG CỘNG	121.027.241	50.972.574

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng. Các khoản tương đương tiền được gởi bằng VND.



4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Ngắn hạn

	30/9/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	340.010.000.000		340.010.000.000	329.160.000.000		329.160.000.000
	340.010.000.000		340.010.000.000	329.160.000.000		329.160.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn trên 3 tháng, dưới 1 năm

(ii) Dài hạn

	30/9/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn (kỳ hạn trên 1 năm)	15.000.000.000		15.000.000.000	500.000.000		500.000.000
	15.000.000.000		15.000.000.000	500.000.000		500.000.000

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/9/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
<i>Đầu tư vào công ty con (*)</i>	200.000.000.000		200.000.000.000	
<i>Đầu tư vào công ty liên kết (**)</i>	7.000.000.000	15.392.176.800	7.000.000.000	16.096.080.000
<i>Đầu tư dài hạn khác (***)</i>	13.980.715.400		13.980.715.400	
<i>(a) Đầu tư cổ phiếu</i>				
<i>(b) Đầu tư dài hạn khác</i>	13.980.715.400		13.980.715.400	
- Công ty CP Bia - NGK Sài Gòn Tây Đô	13.980.715.400		13.980.715.400	

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	30/09/2025		01/01/2025	
	Số lượng	Tỷ lệ/VĐL	Số lượng	Tỷ lệ/VĐL
(*) Đầu tư vào công ty con :				
Góp vốn thành lập Công ty con : Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng		100%		100%
(**) Đầu tư vào công ty liên kết				
Góp vốn vào Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu	2.402.400	20%	2.402.400	20%
(***) Đầu tư dài hạn khác				
<i>(a) Đầu tư cổ phiếu</i>				
<i>(b) Đầu tư dài hạn khác</i>				
Công ty CP Bia - NGK Sài Gòn Tây Đô	1.891.807	9,46%	1.891.807	9,46%

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu 09a-DN

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/9/2025	01/01/2025
	VND	VND
(a) Phải thu khách hàng		
Bên thứ ba	330.670.397	58.020.189
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	8.572.100.391	14.274.151.282
TỔNG CỘNG	8.902.770.788	14.332.171.471
(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Tổng công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	8.441.053.654	14.158.378.311
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	108.046.737	115.772.971
Công ty Cổ phần Bia- Nước giải khát Sài Gòn-Tây Đô	23.000.000	
Cộng	8.572.100.391	14.274.151.282

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/9/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên thứ ba	60.600.000	273.191.587
Các bên liên quan	3.925.858.889	87.362.880
Tổng công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	63.646.190	
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		87.362.880
Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	3.862.212.699	
	3.986.458.889	360.554.467

7 PHẢI THU KHÁC

	30/9/2025	01/01/2025
	VND	VND
(a) Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu về lãi tiền gửi	9.936.695.959	7.865.558.891
Phải thu về lợi nhuận và cổ tức được chia	50.095.515.920	16.458.906.742
Phải thu ngắn hạn khác	106.230.272	15.898.153
TỔNG CỘNG	60.138.442.151	24.340.363.786
Trong đó:		
Bên thứ ba	10.042.926.231	7.881.457.044
Các bên liên quan	50.095.515.920	16.458.906.742
	60.138.442.151	24.340.363.786

8 HÀNG TỒN KHO

	30/9/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND		VND	
Hàng mua đang đi trên đường				
Nguyên vật liệu	7.609.391.139		11.131.467.878	
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	3.011.806.691	(695.201.408)	3.498.458.928	(740.495.565)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.698.037.340		10.307.324.033	
Thành phẩm	3.051.647.514		3.033.628.304	
Hàng hóa				
TỔNG CỘNG	20.370.882.684	(695.201.408)	27.970.879.143	(740.495.565)

586
CÔNG T
ĐỒ PHẢ
BIA
ÀI GÒ
MIỀN T
ÔNG -

)

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	68.669.251.897	441.751.492.235	8.464.249.179	10.215.820.751	529.100.814.062
Tăng trong kỳ		1.755.000.000			1.755.000.000
Mua mới		225.000.000			225.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang		1.530.000.000			1.530.000.000
Giảm trong kỳ		1.158.395.377		2.284.169.977	3.442.565.354
Trong đó:					
Thanh lý		1.158.395.377		2.284.169.977	3.442.565.354
Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	68.669.251.897	442.348.096.858	8.464.249.179	7.931.650.774	527.413.248.708
Giá trị khấu hao:					
Số dư đầu năm	44.621.421.443	359.100.178.260	7.690.781.660	9.987.311.050	421.399.692.413
Khấu hao trong kỳ	2.128.191.909	23.871.872.469	261.125.410	83.189.755	26.344.379.543
Giảm trong kỳ					
Thanh lý		1.146.477.814		2.284.169.977	3.430.647.791
Số dư cuối kỳ	46.749.613.352	381.825.572.915	7.951.907.070	7.786.330.828	444.313.424.165
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	24.047.830.454	82.651.313.975	773.467.519	228.509.701	107.701.121.649
Số dư cuối kỳ	21.919.638.545	60.522.523.943	512.342.109	145.319.946	83.099.824.543

* Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 là 91.144 triệu đồng (tại 01/01/2025 là 93.473 triệu đồng)



CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	4.011.843.370	4.011.843.370
Giảm		
Số dư cuối kỳ	4.011.843.370	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1.898.939.162	1.898.939.162
Khấu hao trong kỳ	120.355.299	120.355.299
Giảm		
Số dư cuối kỳ	2.019.294.461	2.019.294.461
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	2.112.904.208	2.112.904.208
Số dư cuối kỳ	1.992.548.909	1.992.548.909



12 TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN

	30/9/2025	01/01/2025
Số dư đầu kỳ	39.592.778	
Tăng/ bổ sung	12.708.769.757	2.442.003.644
Điều chuyển sang TSCĐ	(1.530.000.000)	(1.630.000.000)
Điều chuyển sang chi phí trả trước		(772.410.866)
Số dư cuối kỳ	11.218.362.535	39.592.778

13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/9/2025	01/01/2025
Công cụ và dụng cụ	18.726.000	38.322.538
Chi phí trả trước khác	565.132.011	433.227.903
TỔNG CỘNG	583.858.011	471.550.441

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/9/2025	01/01/2025
Bao bì luân chuyển	494.294.673	
Chi phí thuê đất trả trước	9.411.832.069	9.760.938.055
Công cụ và dụng cụ	696.297.156	1.019.779.237
Chi phí trả trước khác	2.084.147.979	2.877.502.348
TỔNG CỘNG	12.686.571.877	13.658.219.640

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/9/2025	01/01/2025
Phải trả cho các bên thứ ba	2.253.715.779	2.976.296.308
Phải trả cho các bên liên quan	443.392.049	1.926.354.451
	2.697.107.828	4.902.650.759

Phải trả người bán là các bên thứ ba

	2.253.715.779	2.976.296.308
Công ty TNHH Chế Biến Lương Thực Trường Thắng	326.760.000	440.324.400
Công ty TNHH Đầu tư SX TM Anh Châu	324.829.440	314.278.380
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Cửu Long	23.676.073	266.274.544
Khác	1.578.450.266	1.955.418.984

Phải trả người bán là các bên liên quan

	443.392.049	1.926.354.451
Công ty mẹ/con trong hệ thống Sabeco	443.392.049	1.926.354.451
Tổng công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn		1.087.767.291
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	26.806.731	
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Trung	416.585.318	
Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co		838.587.160

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/9/2025	01/01/2025
Trích trước chi phí khác	8.694.339.318	2.284.049.794
TỔNG CỘNG	8.694.339.318	2.284.049.794

16 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2025	01/01/2025
Cổ tức phải trả	5.560.202.808	5.172.452.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	448.614.000	495.385.510
Phải trả ngắn hạn khác	3.245.673.571	2.790.439.467
	9.254.490.379	8.458.277.785

Trong đó:

Các bên thứ ba 9.254.490.379 8.458.277.785

Bên liên quan 9.254.490.379 8.458.277.785

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/9/2025	01/01/2025
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	49.500.000	49.500.000
	49.500.000	49.500.000



CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

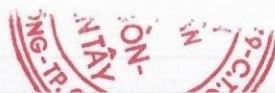
17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số đã cần trừ trong kỳ	30/09/2025
Thuế giá trị gia tăng	2.465.715.780	25.147.376.865	10.181.742.618	(5.988.556.173)	11.442.793.854
Thuế tiêu thụ đặc biệt	14.031.787.710	115.851.723.834	116.923.081.756		12.960.429.788
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.717.080.593	3.419.545.512	1.845.722.104		3.290.904.001
Thuế thu nhập cá nhân	217.834.346	1.036.955.925	1.126.598.283		
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000		
Tổng cộng	18.432.418.429	145.458.602.136	130.080.144.761	(5.988.556.173)	27.694.127.643

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	01/01/2025	Số phát sinh trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số đã cần trừ trong kỳ	30/09/2025
Thuế thu nhập cá nhân			242.494.430	(128.191.988)	114.302.442
			242.494.430	(128.191.988)	114.302.442



18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Vốn cổ phần

30/9/2025			01/01/2025			
	Số cổ phiếu	Tổng mệnh giá VNĐ	Tỷ lệ sở hữu		Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Tổng công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	12.517.050	125.170.500.000	86,32%	12.246.550	122.465.500.000	84,46%
Các cổ đông khác	1.982.950	19.829.500.000	13,68%	2.253.450	22.534.500.000	15,54%
TỔNG CỘNG	14.500.000	145.000.000.000		14.500.000	145.000.000.000	
Cổ phiếu						
		30/9/2025 (cổ phiếu)			01/01/2025 (cổ phiếu)	
Số lượng cổ phiếu được duyệt		14.500.000			14.500.000	
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		14.500.000			14.500.000	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		14.500.000			14.500.000	
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận						
-Vốn đầu tư của chủ sở hữu			30/9/2025 and 1/1/2025			
Vốn góp đầu kỳ			Số lượng	VNĐ		
			14.500.000	145.000.000.000		
Vốn góp tăng trong kỳ						
Vốn góp giảm trong kỳ						
Vốn góp cuối kỳ			14.500.000	145.000.000.000		
-Cổ tức, lợi nhuận đã chia						
Tổng số:			Năm 2025	Năm 2024		
			VNĐ	Tỷ lệ	VNĐ	Tỷ lệ
				30%	72.500.000.000	50%
					43.500.000.000	30%
					29.000.000.000	20%
			43.500.000.000	30%		
			30/9/2025	01/01/2025		
Các quỹ của công ty			VNĐ	VNĐ		
- Quỹ đầu tư phát triển			177.711.446.954	177.711.446.954		
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			398.264.250.486	374.265.444.548		

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu: B 09a-DN

18.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	145.000.000.000	177.711.446.954	369.271.441.370	691.982.888.324
Lợi nhuận thuần trong năm			80.755.865.250	80.755.865.250
Cổ tức năm trước			(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Cổ tức năm nay			(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(3.404.000.000)	(3.404.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước			605.161.591	605.161.591
Trích quỹ công tác xã hội			(326.381.471)	(326.381.471)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội năm trước			(136.642.192)	(136.642.192)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	145.000.000.000	177.711.446.954	374.265.444.548	696.976.891.502
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	145.000.000.000	177.711.446.954	374.265.444.548	696.976.891.502
Lợi nhuận thuần trong kỳ			70.961.258.160	70.961.258.160
Cổ tức năm trước			(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			(2.634.697.152)	(2.634.697.152)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước			(582.968.966)	(582.968.966)
Trích quỹ công tác xã hội			(244.786.104)	(244.786.104)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2025	145.000.000.000	177.711.446.954	398.264.250.486	720.975.697.440

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu: B 09a-DN

19 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 3/2025 VNĐ	Quý 3/2024 VNĐ
Bán thành phẩm	44.404.694.358	45.439.771.235
Cung cấp dịch vụ	208.194.980	225.504.580
Doanh thu khác	2.527.787.186	1.094.854.962
Tổng doanh thu	47.140.676.524	46.760.130.777

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý 3/2025 VNĐ	Quý 3/2024 VNĐ
Giá vốn thành phẩm đã bán	40.179.885.414	42.662.118.031
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	28.504.793	1.314.819
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(41.739.508)	(282.016.789)
Giá vốn khác	270.603.614	64.412.784
TỔNG CỘNG	40.437.254.313	42.445.828.845

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 3/2025 VNĐ	Quý 3/2024 VNĐ
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.589.430.701	11.389.367.105
Lãi tiền gửi	4.503.134.276	3.711.948.614
TỔNG CỘNG	21.092.564.977	15.101.315.719

22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 3/2025 VNĐ	Quý 3/2024 VNĐ
TỔNG CỘNG		

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu: B 09a-DN

23 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 3/2025 VNĐ	Quý 3/2024 VNĐ
Chi phí nhân công, bốc xếp	136.405.585	68.049.298
TỔNG CỘNG	136.405.585	68.049.298

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

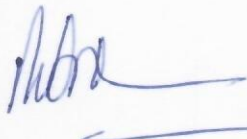
	Quý 3/2025 VNĐ	Quý 3/2024 VNĐ
Chi phí nhân viên	2.047.043.207	1.990.589.962
Chi phí khấu hao	88.874.348	91.575.729
Chi phí dịch vụ mua ngoài	354.578.021	181.280.206
Chi phí quản lý khác	440.097.110	460.041.467
TỔNG CỘNG	2.930.592.686	2.723.487.364


25 THU NHẬP KHÁC

	Quý 3/2025 VNĐ	Quý 3/2024 VNĐ
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	16.076.552	12.069.702
	16.076.552	12.069.702

26 CHI PHÍ KHÁC

	Quý 3/2025 VNĐ	Quý 3/2024 VNĐ
Chi phí thanh lý tài sản cố định, bao bì chai kết, CC		
Khác		


Dương Thị Thúy Hồng
Người lập
Ngày 09 tháng 10 năm 2025


Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng


Lê Đăng Khoa
Giám đốc

